

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** Phòng chờ thi B1.203**Môn thi:** Kỹ năng nói**Ca thi:** 13h30**Ngày thi:** 11/01/2022

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0001	Bùi Tuấn Anh	22/08/1999				
2	TA0002	Chu Vân Anh	06/06/2022				
3	TA0003	Đỗ Hoài Anh	13/10/1999				
4	TA0004	Đỗ Thị Anh	21/05/1999				
5	TA0005	Nguyễn Hoàng Anh	04/06/1999				
6	TA0006	Nguyễn Thị Ngọc Anh	29/08/1999				
7	TA0007	Nguyễn Thị Tố Anh	11/11/1999				
8	TA0008	Phạm Quang Hải Anh	14/07/1999				
9	TA0009	Phan Anh	25/10/1999				
10	TA0010	Phan Đức Anh	16/04/1999				
11	TA0011	Tổng Ngọc Anh	25/02/1999				
12	TA0012	Nguyễn Thị Ánh	25/07/1999				
13	TA0013	Bùi Danh Bảo	09/08/1999				
14	TA0014	Đỗ Gia Bảo	10/04/1999				
15	TA0015	Vũ Quang Bình	11/07/1999				
16	TA0016	Bùi Văn Chiến	01/02/1999				
17	TA0017	Phạm Hữu Chiến	23/06/1999				
18	TA0018	Nguyễn Thị Lan Chinh	14/06/1999				
19	TA0019	Nguyễn Văn Cường	5/25/0099				
20	TA0020	Lê Trung Cương	05/07/1999				
21	TA0021	Nguyễn Kim Cương	28/04/1999				
22	TA0022	Bùi Đức Cường	12/11/1999				
23	TA0023	Đỗ Tuấn Đạt	07/08/1999				
24	TA0024	Trịnh Thành Đạt	04/09/1999				

25	TA0025	Nguyễn Tấn Đông	07/01/1995				
26	TA0026	Nguyễn Khắc Đồng	22/07/1999				
27	TA0027	Nguyễn Đình Đức	14/10/1999				

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ chấm thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)